

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHƯỚC LONG  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: ...../2021/DS-ST

Ngày 06/4/2021

V/v hợp đồng vay tài sản và hui.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Quách Thanh T

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/. Bà Dương Thị Tú P;

2/. Ông Trần Thanh T.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Danh Văn A – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông Trần Chí L – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2020/TLST-DS ngày 18/11/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXX-ST ngày 11 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn:* Chị N T T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp 2B, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2/. *Bị đơn:* Chị N T P, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp 1A, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị T và chị P có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Nguyên đơn chị N T T trình bày: Chị cho cá nhân chị P vay tiền vào ngày 14/01/2020 với số tiền gốc 85.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/1 tháng, việc cho vay chị P có làm biên nhận ghi ngày 14/01/2020, từ khi vay tiền đến nay chị P chưa trả tiền vốn hoặc tiền lãi nào. Trước lần vay tiền này, chị P có vay của chị T 01 lần bằng số tiền 15.000.000 đồng tiền nợ gốc nhưng đã trả xong trước lần vay tiền này. Về tiền hui, chị có tham gia 02 chung hui do chị P làm chủ hui và mua 01 chung hui, loại hui 2.000.000

đồng/ 1 chung/ 1 tháng, chị đã hốt 02 chung hui, chị P cần trừ hết các khoản hui sống, hui chết và chung hui ngày 26/8/2018 chị Phương chung thiếu số tiền 8.000.000 đồng nên chị P còn thiếu lại chị T số tiền 31.000.000 đồng. Nay chị N T T yêu cầu cá nhân chị N T P trả tiền vay gốc là 85.000.000 đồng và tiền hui là 31.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn chị N T P có lời khai trình bày: Trước đây chị có vay tiền của chị N T T vào tháng 5 năm 2018, vay số tiền gốc 85.000.000 đồng, không có làm giấy tờ, lãi suất thỏa thuận 5%/1 tháng, chị đã trả tiền lãi cho chị T đầy đủ hàng tháng bằng số tiền 4.200.000 đồng đến ngày 14/01/2020 thì không có khả năng trả lãi được nữa nên chị mới xin chị T phần tiền lãi thì chị T kêu chị viết biên nhận ghi ngày 14/01/2020 và từ đó đến nay chị không có trả lãi cho chị T nữa. Còn số tiền nợ hui thì chị làm chủ hui, chị T có chơi hui, chị T hốt hui, khi đó chị với chị T cần trừ nên chị P còn thiếu chị T số tiền 31.000.000 đồng, chị P có làm biên nhận thiếu tiền hui cho chị T ghi ngày 15/7/2020. Việc chị P trả tiền lãi cho chị T thì chị T không có làm giấy tờ gì cho chị P, cũng không có ai chứng kiến. Tiền lãi chị P trả cho chị T là theo sự tự nguyện thỏa thuận của chị với chị T nên chị P không yêu cầu tính lại cần trừ vào tiền gốc. Việc chị P vay tiền của chị T và thiếu tiền hui của chị T là của cá nhân chị P, chồng chị P không biết. Nay chị P đồng ý trả cho chị N T T số tiền vay gốc là 85.000.000 đồng và tiền hui số tiền 31.000.000 đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N T T, buộc chị N T P có nghĩa vụ trả cho chị N T T số tiền vay nợ gốc là 85.000.000 đồng và tiền nợ hui là 31.000.000 đồng. Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 trong giai đoạn thi hành án. Về án phí dân sự sơ thẩm buộc chị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N T T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị N T P trả tiền vay và tiền hui, chị P có địa chỉ cư trú tại ấp 1A, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long. Vì vậy, căn cứ vào Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

[2] Theo đơn khởi kiện, lời khai của chị N T T và lời khai của chị N T P đều thống nhất nội dung: hiện tại cá nhân chị Phương còn thiếu cá nhân chị T số tiền vay gốc là 85.000.000 đồng và tiền hui số tiền 31.000.000 đồng, chị T không yêu cầu tính lãi. Về phía chị P đồng ý trả tiền theo yêu cầu của chị T, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T. Về số tiền lãi mà chị P trình bày đã trả cho chị T với mức 5%/ 1 tháng trước ngày 14/01/2020, do chị P đồng ý trả, không yêu cầu tính lại nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, cả chị T và chị P đều có ý kiến không chịu trách nhiệm nghĩa vụ nộp tiền án phí. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của chị T được tòa án chấp nhận nên buộc chị P phải chịu toàn bộ án phí giá ngạch theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*- Căn cứ vào các Điều 280 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;*

*- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:**

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N T T đòi chị N T P trả tiền nợ vay gốc số tiền là 85.000.000 đ (Tám mươi lăm triệu đồng) và tiền hui số tiền 31.000.000 đ (Ba mươi một triệu đồng). Tổng cộng 116.000.000 đ (Một trăm mười sáu triệu đồng).

Buộc chị N T P có nghĩa vụ trả tiền cho chị N T T tổng số tiền 116.000.000 đ (Một trăm mười sáu triệu đồng).

*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.*

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị N T P phải nộp số tiền 5.800.000 đ (Năm triệu tám trăm nghìn đồng); Chị N T T đã tạm ứng số tiền 2.900.000 đ (Hai triệu chín trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0009697 ngày 18 tháng 11 năm 2020 được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt các đương sự, báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nội nhân

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các nông sới;
- Lầu.

**Quách Thanh Tồn**